

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 217/2023/HS-ST
Ngày 15/11/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị An;
- Bà Đặng Thị Việt Hoài.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Ông Tô Hồng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 206/2023/HSST ngày 01 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo: **Phạm Thanh L1**, sinh ngày 20/10/1987, Nơi sinh: Tỉnh Thái Bình, nơi cư trú: Thôn N, xã X, huyện V, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn L2 và bà Đỗ Thị D; vợ: Phạm Thị N1, có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

* **Bị hại:** Bà Tạ Thị N, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Phố T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Phạm Văn L2, sinh năm 1960; Nơi cư trú: Thôn N, xã X, huyện V, tỉnh Thái Bình.

* **Người làm chứng:**

1. Anh Phạm Đình B, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Phố T, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Anh Phạm Xuân T1, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình.

3. Bà Phạm Thị T2, sinh năm 1964; Nơi cư trú: Nơi cư trú: Phố T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo, vắng mặt những người tham gia tố tụng khác).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu sài cá nhân nên chiều ngày 21/8/2023, L1 điều khiển xe đạp điện màu đen, không đeo biển số của gia đình đi từ nhà lên thành phố Thái Bình, mục đích để trộm cắp tài sản. Khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, khi L1 đi qua khu vực trước cửa số nhà 77, phố T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình thì phát hiện trước cửa nhà bà Tạ Thị N để 01 xe máy điện nhãn hiệu Vinfast, màu trắng, biển số 17MĐ9-122.20 chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa. L1 khóa xe của mình để trên vỉa hè cách chỗ để xe máy điện khoảng 100 mét, đi bộ về phía chiếc xe máy điện, quan sát không có người trông coi, L1 tiến lại dắt lùi chiếc xe máy điện, khởi động và điều khiển xe đi về phía ngã tư giao nhau giữa đường P với đường T. Lúc này, bà Phạm Thị T2 đang ngồi ở cửa nhà nhìn thấy L1 trộm cắp chiếc xe máy điện nên chạy sang gọi bà Tạ Thị N “*Cô N ơi, có người trộm xe của cô*”. Sau đó, bà N và bà T2 chạy đuổi theo L1 hô “*Trộm, trộm*”, anh Phạm Xuân T1 đang sửa máy lọc nước cho nhà bà N cũng lấy xe máy của anh T1 đuổi theo L1, trên đường lúc đó có anh Phạm Đình B nghe thấy mọi người tri hô nên cũng đuổi theo L1. Khi L1 chạy đến khu vực chung cư liên đoàn lao động tỉnh Thái Bình thuộc tổ 02, phường Đ, thành phố T thì bị mọi người bắt giữ. Kiểm tra xe máy điện L1 trộm cắp của bà N, trong cốp xe có 01 ví giả da màu nâu, trong ví có số tiền 3.330.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 24/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thái Bình, kết luận: Trị giá tài sản tại thời điểm giám định ngày 24/8/2023 là 15.590.000 đồng. trong đó: Giá trị xe máy điện nhãn hiệu Vinfast là 15.500.000 đồng, giá 01 ví giả da màu nâu là 90.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi của mình như bản cáo trạng đã nêu.

Bản cáo trạng số 214/CT-VKSTPTB ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị: Xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 đến 24 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Về vật chứng: Chiếc xe máy điện nhãn hiệu Vinfast màu trắng, biển số 17MD9 – 122.20; 01 ví giả da màu nâu và số tiền 3.330.000 đồng, cơ quan Điều tra đã trả lại cho bị hại, bà Tạ Thị N toàn bộ số tài sản trên. Chiếc xe đạp điện bị cáo sử dụng đi trộm cắp tài sản là của ông Phạm Văn L2 là đồ bị cáo. Bị cáo lấy xe đi ông L2 không biết nên cơ quan Điều tra đã trả lại chiếc xe cho ông L2.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được nhận lại toàn bộ số tài sản bị mất và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản nào khác nên không đặt ra giải quyết.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không bào chữa và không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố vụ án được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục nên các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và được chứng minh bằng:

- Biên bản tiếp nhận người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang;
- Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ;
- Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 08/KL-HĐĐGTS ngày 24/8/2023;

- Biên bản ghi lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng.

- Các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ 20 phút ngày 21/8/2023, tại khu vực trước cửa nhà bà Tạ Thị N, sinh năm 1969, trú tại số nhà 77, phố T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình, Phạm Thanh L1 có hành vi trộm cắp 01 xe máy điện nhãn hiệu Vinfast màu trắng, biển số 17MĐ9 – 122.20 của bà N, giá trị xe là 15.500.000 đồng, bên trong cốp xe có 01 ví giả da màu nâu, trị giá 90.000 đồng, tiền Việt nam 3.330.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 18.920.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả, hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, do vậy cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm minh đối với bị cáo.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, là người có nhân thân tốt. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các tình tiết này được giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, là người có nhân thân tốt, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Giao bị cáo

cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng có đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng: Chiếc xe máy điện nhãn hiệu Vinfast màu trắng, biển số 17MĐ9 – 122.20; 01 ví giả da màu nâu mặt trên có in dòng chữ “COACH” và số tiền 3.330.000 đồng. Quá trình điều tra xác định là tài sản của bị hại, bà Tạ Thị N. Ngày 14/9/2023 cơ quan Điều tra Công an thành phố Thái Bình đã trả cho bà N toàn bộ số tài sản trên. Chiếc xe đạp điện bị cáo sử dụng đi trộm cắp tài sản là của ông Phạm Văn L2, là bố đẻ bị cáo. Bị cáo lấy xe đi ông L2 không biết nên cơ quan Điều tra đã trả lại chiếc xe cho ông L2.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại toàn bộ số tài sản bị mất và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản nào khác nên không đặt ra giải quyết.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

- Căn cứ Điều 135; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Thanh L1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Thanh L1 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Thanh L1 cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại toàn bộ số tài sản bị mất và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản nào khác nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15/11/2023). Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND TP Thái Bình;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Thái Bình;
- Cơ quan THAHS Công an TP Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Chu Thị Tuyết